

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim Tuấn

2. Bà Đoàn Thị Kim Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thuyền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1955; địa chỉ: 46 B, phường H, Quận H, thành phố Đà Nẵng.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Ngọc T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã Đ1, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà C và ông T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24-6-2020 và các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Bà và ông Lê Ngọc T tổ chức lễ cưới vào năm 1981, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận N, thành phố Đà Nẵng vào ngày 24-7-1984. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu tập thể số 10 T, quận H, thành phố Đà

Năng. Đến ngày 14-5-2002 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất hòa; nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi lần uống rượu bia về hoặc mỗi lần bức tức về vấn đề gì thì ông T đem chuyện tôn giáo của bà và cha mẹ bà ra chửi bới, lăng mạ, bạo lực tinh thần đối với bà. Lúc đó, do các con còn nhỏ nên bà phải nhẫn nhịn, chịu đựng. Năm 2004, Ban Hòa giải phường H có đến hòa giải nhưng sau đó mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra như trước. Năm 2005 bà quyết định sống ly thân với ông T; trong thời gian này khoảng 01 năm ông T mới về nhà được 02 lần. Đến năm 2012 thì ông T cắt hộ khẩu và chuyển về Quảng Ngãi sống; từ đó đến nay bà và ông T không sống chung với nhau. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông Lê Ngọc T có 02 con chung là Lê Ngọc H, sinh năm 1982 và Lê Thị Thùy T, sinh năm 1984. Hiện nay các con chung của bà và ông T đều đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27-7-2020 và các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Ngọc T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Kim C tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới vào năm 1981 và có đăng ký kết hôn vào năm 1984 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận N, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Trong quá trình chung sống, giữa ông và bà C có bất đồng quan điểm về vấn đề tôn giáo. Khi còn sống tại Đà Nẵng, ông thường bị một số người chặn đánh nhưng không biết ai đánh; bản thân ông cũng bị anh ruột của bà C đuổi đi nên ông đã bỏ về quê ở xã Đ1, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi để sinh sống mười mấy năm nay, cụ thể là năm nào thì ông không nhớ; ông và bà C phân ai người đó sống, không còn quan tâm đến nhau; thỉnh thoảng ông có về chung sống với vợ lớn là bà H1 tại thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Nay bà C khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông đã già, không muốn ly hôn.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Kim C có 02 con chung là Lê Ngọc H, sinh năm 1982 và Lê Thị Thùy T, sinh năm 1984. Hiện nay các con chung của bà và ông T đều đã trên 18 tuổi và đã có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại đơn trình bày đề ngày 01-9-2020, ông Lê Ngọc T yêu cầu Tòa án xem xét về tài sản chung của ông và bà C là căn nhà cấp 4 tại số 10 T, thành phố Đà Nẵng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn ông Lê Ngọc T; về con chung: Bà C và ông T có 02 con chung là Lê Ngọc H, sinh năm 1982 và Lê Thị Thùy T, sinh năm 1984, hiện nay đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm bà Nguyễn Thị Kim C khởi kiện thì ông Lê Ngọc T đang cư trú tại Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án “Ly hôn” theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C và bị đơn ông Lê Ngọc T đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Lê Ngọc T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại phường Thạch Thang, quận Nhất, thành phố Đà Nẵng vào ngày 24-7-1984. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim C và ông Lê Ngọc T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim C và ông Lê Ngọc T có xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về vấn đề tôn giáo. Nay bà C không muốn kéo dài đời sống chung của vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông T không đồng ý ly hôn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông T cũng thừa nhận đã sống ly thân với bà C hơn mười năm, phần ai người đó sống, không quan tâm đến nhau. Mặt khác, ông T còn trình bày hiện nay thỉnh thoảng ông có về chung sống với người vợ lớn tại Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà C, ông T đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân trong thời gian dài, vì

phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đây là một trong những căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Kim C khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Lê Ngọc T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Kim C và ông Lê Ngọc T có 02 con chung là Lê Ngọc H, sinh năm 1982 và Lê Thị Thùy T, sinh năm 1984. Hiện nay các con chung của ông T, bà C đều đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày vợ chồng không có tài sản chung; đối với ông Lê Ngọc T, từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (ngày 18-8-2020), ông T đều trình bày về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 01-9-2020, ông T có đơn trình bày yêu cầu Tòa án xem xét về tài sản chung của ông và bà C là căn nhà cấp 4 tại số 10 T, thành phố Đà Nẵng để giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc ông T yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung sau khi Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu ông T và bà C có tranh chấp về việc chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Lê Ngọc T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do bà C là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị miễn án phí hợp lệ nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 200, các điều 144, 147, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn ông Lê Ngọc T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Lê Ngọc T có 02 con chung là Lê Ngọc H, sinh năm 1982 và Lê Thị Thùy T, sinh năm 1984, hiện nay đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu các đương sự có tranh chấp về việc chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Lê Ngọc T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND phường T, quận H, Tp. Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong